TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2025/HS-ST
Ngày: 27/5/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Lang
2. Bà Nguyễn Thị Nhơn

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Tường Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025 tại phòng xử án - trụ sở Tòa án nhân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 109/2025/TLST-HS ngày 02 tháng 04 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:162/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Tuấn N,** tên gọi khác: không;

Sinh ngày: 27/10/1979, tại Nam Định

Hộ khẩu thường trú: 4 P, phường Q (phường cũ là H); Chỗ ở hiện tại: 8.18 Lô G KCD Miếu Nổi, số C đường V, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Trần Thị T1; vợ con: không có; Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo con thứ hai trong gia đình.

Tiền sự: Không

Tiền án:

- Ngày 12/8/2005, bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", 24 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo Bản án số 210/HSST, tổng hợp hình phạt chung là 39 tháng tù,

chấp hành xong án phạt tù ngày 09/7/2008. Đã đóng án phí HSST 50.000 đồng và án phí DSST 20.000 đồng theo Biên lai thu số 00798 ngày 15/7/2013, án phí DSST 30.000 đồng theo Biên lai thu số 01420 ngày 16/8/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định. Đối với án phí DSST 142.000 đồng mà N còn phải thi hành Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định đã ra Quyết định đình chỉ thi hành án số 144/QĐ-CCTHA ngày 30/9/2013 theo Quyết định miễn số 29/QĐ-TA ngày 19/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định. Đối với phần bồi thường thiệt hại, bị hại chưa có đơn yêu cầu thi hành án, căn cứ Điều 60 Bộ luật Hình sự, bản án trên đã hết thời hiệu thi hành.

- Ngày 19/09/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 21/2008/HSST, chấp hành xong án phạt tù ngày 10/11/2009, đã đóng án phí theo bản Biên lai thu số 0001013 ngày 14/6/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Nam Định.

- Ngày 25/11/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt 36 tháng tù về tội "Hủy hoại tài sản" theo Bản án số 411/2010/HSST, chấp hành xong án phạt tù ngày 13/10/2013. Đối với khoản án phí HSST 200.000 đồng, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định đã ra Quyết định đình chỉ thi hành án theo Quyết định miễn số 01/QĐ-TA ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

- Ngày 12/8/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt 09 năm tù về tội "Cướp tài sản", 01 năm tù về tội "Hủy hoại tài sản" theo Bản án số 277/2014/HSST, tổng hợp hình phạt chung là 10 năm tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/01/2023. Đã đóng án phí HSST và án phí DSST theo Biên lai thu số 0015841 ngày 17/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

Nhân thân:

Ngày 25/4/1996, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 42 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản", 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp hình phạt phải chấp hành hình phạt 60 tháng tù.

Ngày 23/3/2000, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử 24 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích".

Năm 2000: Ủy ban nhân dân tỉnh N đưa đi cơ sở giáo dục về hành vi "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo bị tạm giữ ngày 08/12/2024, chuyển tạm giam từ ngày 14/12/2024 tại Trại tạm giam C – Phân trại tạm giam khu vực B.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Những người tham gia tố tụng khác:

- Bị hại: Chị Trần Thị T2, sinh năm 2004- vắng mặt

Địa chỉ: 1 Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ ngày 05/12/2024, Phạm Tuấn N (sinh năm 1979) di chuyển từ căn hộ 8.18 Lô B KDC Miếu Nổi, số C đường V, Phường C, quận B đến quán C trên đường V, Phường C, quận B để mua rượu. Trước khi đi, N đã lấy 01 lưỡi dao lam hiệu Croma với mục đích cạo râu trên đường đi mua rượu. Trên đường di chuyển, sau khi cạo râu xong, N đã cất lưỡi dao lam trong túi quần dài bên phải. Khi đến quán C, B (bạn bè xã hội của N, không rõ lai lịch) đang ngồi nhậu tại đây nhìn thấy N nên đã rủ N cùng vào nhậu. Sau khi nhậu xong, đến khoảng 0 giờ 35 phút ngày 06/12/2024, N đi bộ từ quán C về căn hộ, do cửa tại Lô G đã đóng nên N đi qua Lô B để đi về. Trên đường về, N đã ghé vào quán C1, địa chỉ số A Lô G, số C đường V, Phường C, quận B để mua nước uống nhưng nhân viên quán nói với Ngọc Q đã hết giờ làm việc, không nhận khách nữa. Thời điểm này, anh Trần Phi H (chủ quán) đang cùng tất cả các nhân viên các chi nhánh quán cà phê M đang ngồi họp để chia lại ca làm việc. N đã yêu cầu nhân viên quán cho N vào gặp chủ quán thì anh H đang ngồi trong quán nói với N là “chủ quán đây”. Từ vị trí vĩa hè, N đi vào trong quán thì bị các nhân viên dùng tay đẩy N ra khỏi quán. Do bị nhân viên đẩy ra ngoài, không gặp được chủ quán nên N đã bực tức, liên tục đứng ngoài via hè hướng vào trong quán chửi. Sau đó, N lại gần xe mô tô của chị Trần Thị T2 (sinh năm 2004, là nhân viên quán) đang dựng gần quán nên em gái của chị T2 là Trần Thị T3 (sinh năm 2008) ra dắt xe của chị T4 vào dựng trước cửa quán thì T3 bị N dùng tay vỗ vào đầu. N dùng điện thoại chụp lại biển số xe của chị T2 rồi đứng trên đường V gần khu vực quán. N sử dụng điện thoại di động gọi điện cho Vũ K (sinh năm 1982) đến quán cà phê đón N về.

Khoảng 05 phút sau, K điều khiển xe mô tô hiệu Piaggio Liberty đến dựng tại trụ đèn tín hiệu giao thông gần quán C1. N đi bộ đến vị trícủa K và nói với K "anh mới va chạm với quán này", K nói “anh cứ va chạm linh tỉnh, anh đi về đi". K đi bộ phía trước vào quán cả phê, N đi bộ phía sau. Tại vị trí vỉa hè trước quán cà phê, N đã lớn tiếng chửi bới nên chị Nguyễn Thị H1 (là nhân viên quán) có hỏi N cần giải quyết vấn đề gì thì N nói muốn kêu anh H ra nói chuyện nhưng các nhân viên không cho gặp. K hỏi chị H1 “thằng đó nói tới tự quậy quán hay như thế nào", chị H1 nói quán đang họp nhân viên thì N tới kiếm

chuyện rồi H1 đi ra phía ngoài tiếp tục nói chuyện với K. N tiến vào phía trong quán cả phê thì chị Nguyễn Ngọc Kim T5 (là nhân viên quán) đứng lên ghế đối diện N, ngăn cản không cho N tiến về phía anh H. Do không đi vào trong quán được, N chỉ tay hướng vào anh H nói: “mày ra đây con chó”, “bố mày cho quán chúng mày mất chỗ làm ăn luôn” thì chị T2 tiến đến vị trí của N nói “bây giờ quán em đóng cửa rồi, mời anh đi ra quán em hộ em cái”, đồng thời, chị T2 dùng tay kéo áo của N và đẩy N ra phía ngoài quán. Lúc chị T2 đang kéo áo N ra tới trước sân của quán, trong tư thế đối diện, N vung tay trái đẩy chị T2 lùi lại 02 bước, đồng thời sử dụng tay phải lấy 01 con dao lam cất trong túi quần bên phải, tay trái nắm lấy vai phải của chị T2, N đưa tay phải cầm dao lam hướng lên vị trí cổ của chị T2 rồi cứa 01 nhát theo hướng từ trên xuống dưới. Sau đó, chị T4 dùng tay đẩy N ra, N đứng đối diện chị T2 nói với chị T2 "bố giết chết chúng mày luôn đấy” thì chị T5 từ phía sau chạy lên đứng đối diện ngăn cản N. Lúc này, tay phải N vẫn cầm dao lam, N lao đến vị trí của chị T5 dùng tay trái đấm vào mặt chị T5 01 cái. Sau khi đấm trúng chị T5, lưỡi dao lam N đang cầm bị rơi xuống nền via hè nên N đã cúi xuống, sử dụng tay phải nhặt lại lưỡi dao lam. N đứng dậy, tiếp tục chửi rồi đi đến vị trí của chị T5 dùng tay phải đấm vào mặt chị T5 01 cái nữa. Do bị N đấm trúng, chị T5 đã chạy đến vị trí của N dùng 02 tay đẩy N ra ngoài đường V, đồng thời lúc này chị T2 cùng các nhân viên khác xô đẩy, đuổi N đến vị trị đèn tín hiệu giao thông gần cầu H thì các nhân viên quân quay về N đi bộ dọc đường chân cầu H hướng về phía đường T rồi đi vào bãi gửi xe Lô B để lên căn hộ của N đi ngủ. Còn chị T2 cũng các nhân viên khác quay lại quán, thấy chị T2 bị chảy máu quá nhiều các nhân viên chở chị T2 đi cấp cứu tại Bệnh viện quận B. Sau sự việc, chị T2 có đơn yêu cầu khởi tố vụ án và giám định thương tích.

Cơ quan điều tra tiến hành truy xét, kiểm tra căn hộ 8.18 Lô G, số C đường V, Phường C, quận B và mời Phạm Tuấn N về trụ sở làm việc. Tại Cơ quan điều tra, N đã khai nhận hành vi phạm tội như trên

Tại Cơ quan điều tra, các đối tượng đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bản Kết luận giảm định tổn thương cơ thể trên người sống số 08 ngày 10/12/2024 của P tại Thành phố Hồ Chí Minh (BL 64-67), kết luận:

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/08/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giảm định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích của Trần Thị T2 tại thời điểm giảm định là 02%.

Kết luận khác: Thương tích vùng cổ của Trần Thị T2 do vật sắc tác động trực tiếp gây nên, không nguy hiểm đến tính mạng.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Trần Thị T2 yêu cầu Phạm Tuấn N bồi thường số tiền 35.000.000 đồng để khắc phục chi phí điều trị vết thương, tổn thất tinh thần và công việc của chị trinh (T2 chưa cung cấp chứng từ liên quan), N chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 147/CT-VKS BTH ngày 01 tháng 04 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, đã truy tố bị can Phạm Tuấn Ngọc về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2. Tại phiên tòa,

Bị cáo Phạm Tuấn N khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng nêu. Bị cáo thống nhất với tội danh và khung hình phạt như cáo trạng đã nêu, thừa nhận việc truy tố là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Sau khi kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh trình bày bản luận tội giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo N có nhân thân xấu, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cãi. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử.

2.1 Về tội danh: Tuyên bị cáo Phạm Tuấn N phạm tội "Cố ý gây thương tích".

2.2. Về hình phạt:

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 134; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Phạm Tuấn N, từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

- Về các biện pháp tư pháp đối với người phạm tội và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ 01 điện thoại di động hiệu Oppo F11 màu xanh nhạt 256GB. Đây là điện thoại của N dùng để liên lạc cá nhân không dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại cho N.

+ 01 điện thoại di động hiệu S S6 Edge+. Đây là điện thoại của N dùng dùng để liên lạc cá nhân không dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại cho N

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 lưỡi dao lam dài khoảng 4,5cm, 01 quần dài màu trắng (tình trạng đã qua sử dụng), 01 áo thun ngắn tay màu đen, cổ tròn (tình trạng đã qua sử dụng), 01 giày vải màu đen (tình trạng đã qua sử dụng). Đây là trang phục bị can Phạm Tuấn Ngọc mặc khi thực hiện hành vi Cố ý gây thương tích.

+ Lưu hồ sơ: 01 USB chứa hình ảnh camera ghi nhận lại sự việc Phạm Tuấn N thực hiện hành vi Cố ý gây thương tích.

- Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại chị Trần Thị T2 yêu cầu Phạm Tuấn N bồi thường số tiền 35.000.000 đồng để khắc phục chi phí điều trị vết thương, tổn thất tinh thần và công việc của chị trinh. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho chị T2 35.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

3. Phần tranh luận,

Bị cáo Phạm Tuấn N không tham gia tranh luận.

4. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, tuy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về tố tụng: Về sự vắng mặt của bị hại tại phiên tòa. Xét thấy, tại giai đoạn điều tra, bị hại, đã được Cơ quan điều tra lấy lời khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên việc vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]. Về tội danh:

Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Tuấn N tại cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay, qua xét hỏi bị cáo Phạm Tuấn N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh đã truy tố đối với bị cáo. Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Tuấn N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 00 giờ 40 phút ngày 06/12/2024, tại quán C1, địa chỉ; số A Lô G, số C đường V, Phường C, quận B, bị cáo Phạm Tuấn N vào quán mua nước uống nhưng hết giờ làm việc nên các nhân viên của quán đã từ chối bán nước uống cho N nên N đã gây sự và dùng tay đánh, dùng lưỡi dao lam rồi cứa 01 nhát theo hướng từ trên xuống gây thương tích trên vùng cổ chị T2 gây thương tích cho chị T2 là 0,2%. Ngày 06/12/2024 chị T2 có đơn yêu cầu khởi tố đối với N. Đồng thời, bị cáo đã tái phạm nay tiếp tục phạm tội thuộc tình tiết định khung quy định tại điểm d khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Với hành vi như đã nêu trên của bị cáo Phạm Tuấn N, xét thấy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh truy tố bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm d khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là có cơ sở pháp lý, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách hiệm hình sự:

[3.1] Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng. Bị cáo là người thành niên, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đủ nhận thức để nhận biết được hành vi xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ là hành vi trái pháp luật, bị cáo đã thực hiện hành vi dùng dao lam cất túi quần bên phải, cứa 01 nhát theo hướng từ trên xuống vào bị hại, đây là hành vi mà pháp luật nghiêm cấm. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật, làm ảnh hưởng an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, cần xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn, với mức án phù hợp, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, nhằm giáo dục bị cáo trở thành người tốt cho xã hội, chấp hành pháp luật, đồng thời giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[3.2] Khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy:

Bị cáo Phạm Tuấn N có nhân thân xấu, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về các biện pháp tư pháp đối với người phạm tội và xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106, Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

+ Lưu hồ sơ: 01 USB chứa hình ảnh camera ghi nhận lại sự việc Phạm Tuấn N thực hiện hành vi Cố ý gây thương tích.

+ 01 điện thoại di động hiệu Oppo F11 màu xanh nhạt 256GB. Đây là điện thoại của N dùng để liên lạc cá nhân không dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại cho N.

+ 01 điện thoại di động hiệu S S6 Edge+. Đây là điện thoại của N dùng dùng để liên lạc cá nhân không dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại cho N

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 lưỡi dao lam dài khoảng 4,5cm, 01 quần dài màu trắng (tình trạng đã qua sử dụng), 01 áo thun ngắn tay màu đen, cổ tròn (tình trạng đã qua sử dụng), 01 giày vải màu đen (tình trạng đã qua sử dụng). Đây là trang phục bị can Phạm Tuấn Ngọc mặc khi thực hiện hành vi Cố ý gây thương tích.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại chị Trần Thị T2 yêu cầu Phạm Tuấn N bồi thường số tiền 35.000.000 đồng để khắc phục chi phí điều trị vết thương, tổn thất tinh thần và công việc của chị trinh. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho chị T2 35.000.000 đồng. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 134; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1.1. Xử phạt bị cáo **Phạm Tuấn N** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về "Cố ý gây thương tích". Thời hạn tù tính từ ngày 08/12/2024.

1.2. Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tiếp tục tạm giam các bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án**.**

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Tuấn N phải bồi thường cho bị hại chị Trần Thị T2 số tiền 35.000.000 đồng. Thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, nếu bị cáo Phạm Tuấn N1 chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo Phạm Tuấn N còn phải trả lãi cho chị Trần Thị T2 theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

3. **Về vật chứng:**

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

+ Lưu hồ sơ: 01 USB chứa hình ảnh camera ghi nhận lại sự việc Phạm Tuấn N thực hiện hành vi Cố ý gây thương tích.

+ Trả cho bị cáo: 01 điện thoại di động hiệu Oppo F11 màu xanh nhạt 256GB(không kiểm tra tình trạng hoạt động của máy);01 điện thoại di động hiệu S+(không kiểm tra tình trạng hoạt động của máy

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 quần dài màu trắng, 01 áo thun ngắn tay màu đen, cổ tròn, 01 giày vải màu đen, 01 lưỡi dao lam dài khoảng 4,5cm.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 23 tháng 4 năm 2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H với Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh).

4. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH/ 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Bị cáo Phạm Tuấn N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. **Quyền kháng cáo**

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

Bị cáo Phạm Tuấn N, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự 2008 sửa đổi, bổ sung 2014.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh;
- Trại giam;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh – PC06, PC 10;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Tùng